TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2026
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Ngọc Trùng D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: A khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Số CCCD: 083182015822

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1984;

Địa chỉ: C khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

Số CCCD: 083084013529

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2026, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Phùng Ngọc Trùng D trình bày:

Bà Phùng Ngọc Trùng D và ông Nguyễn Thanh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường gây gỗ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả; hiện nay bà và ông P đã không còn sống chung với nhau.

Nay bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với

ông Nguyễn Thanh P. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 14/3/2011, hiện tại con chung đang sống chung với bà D, nay bà D yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có. Do bận công việc, không có thời gian đến Tòa án nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà, bà D cam kết không khiếu nại gì về việc vắng mặt này.

Ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P không đến Tòa án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không chấp hành đúng quy định. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phùng Ngọc Trùng D; về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 14/3/2011 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Về án phí sơ thẩm: bà D phải chịu là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phùng Ngọc Trùng D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh P, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông P có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D có đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phùng Ngọc Trùng D và ông Nguyễn Thanh P xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2010 nên hôn nhân của bà D và ông P là hợp pháp. Bà D cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm

trong cuộc sống, không có tiếng nói chung; vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Vụ việc đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, đồng thời ông P cũng không đến Tòa án để cùng hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông P thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà D và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 14/3/2011, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Đ đang sống chung với bà D và được nuôi dạy, phát triển bình thường, đồng thời theo nguyện vọng của cháu Đ muốn được ở với mẹ nên việc giao cháu Đ cho bà D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phùng Ngọc Trùng D đối với ông Nguyễn Thanh P. Bà Phùng Ngọc Trùng D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông P chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 14/3/2011; giao cháu Đ cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh P được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Phùng Ngọc Trùng D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0004504 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà D đã nộp xong án phí.

5/ Bà Phùng Ngọc Trùng D, ông Nguyễn Thanh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường S, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thi